

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nội dung, mức chi hoạt động bầu cử
đại biểu Quốc hội XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-UBBC ngày 20/01/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Quảng Ninh về triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh, nhiệm kỳ 2021- 2026;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 765/TTr-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung và mức chi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 77/BC-HĐND ngày 06/02/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về nội dung, mức chi hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Chi tiết kèm theo Phụ biểu).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIII, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 08 tháng 02 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS1.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Kỳ

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi cho hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2021 – 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 329/2021/NQ-HĐND ngày 08/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

I. Những quy định chung:

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích và có hiệu quả; sử dụng triệt để, tối đa các phương tiện, thiết bị phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn có thể sử dụng được và huy động các phương tiện hiện có của cơ quan, đơn vị cho công tác bầu cử để thực hiện tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Cùng với kinh phí do ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu công việc và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, UBND cấp huyện, cấp xã thống nhất với Ủy ban bầu cử và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kì họp gần nhất.

II. Nội dung và mức chi:

1. Chi xây dựng các văn bản phục vụ cho công tác bầu cử:

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 13/13/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật;

b) Chi xây dựng các văn bản cá biệt (không phải là văn bản quy phạm pháp luật):

b.1) Đối với các văn bản phức tạp gồm: Kế hoạch triển khai công tác bầu cử; Quyết định quy định nội dung và mức chi bầu cử; Quyết định phê duyệt dự toán, phân bổ kinh phí của cơ quan có thẩm quyền (không quá 2 văn bản/đơn vị hành chính); Quyết định phê duyệt quyết toán kinh phí bầu cử; Văn bản hướng dẫn, các Báo cáo (trừ Báo cáo giám sát) do Cơ quan nội vụ, tổ chức, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và Tài chính chủ trì soạn thảo:

- Cấp tỉnh: 2 triệu đồng/văn bản được cơ quan có thẩm quyền kí ban hành; riêng Báo cáo tổng kết bầu cử, mức 5 triệu đồng/báo cáo;

- Cấp huyện: 1,4 triệu đồng/văn bản được cơ quan có thẩm quyền kí ban hành; riêng Báo cáo tổng kết bầu cử, mức 3,5 triệu đồng/báo cáo;
- Cấp xã: 1,0 triệu đồng/văn bản được cơ quan có thẩm quyền kí ban hành; riêng Báo cáo tổng kết bầu cử, mức 2,5 triệu đồng/báo cáo.

b.2) Đối với các văn bản còn lại được cơ quan có thẩm quyền kí ban hành:

- Cấp tỉnh: 1 triệu đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 0,7 triệu đồng/văn bản;
- Cấp xã: 0,5 triệu đồng/văn bản.

2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

a) Tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử gồm: Thẻ cử tri; danh sách cử tri; phiếu bầu cử; giấy chứng nhận bỏ phiếu nơi khác; danh sách ứng cử, tiểu sử ứng cử viên ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân; hồ sơ ứng cử ĐBQH, đại biểu Hội đồng nhân dân; Quốc huy, phù hiệu tổ bầu cử; Luật bầu cử; Luật tổ chức chính quyền địa phương; các văn bản hướng dẫn bầu cử; tài liệu học tập về thể lệ bầu cử dùng cho Tổ bầu cử và hộ dân; nội quy phòng bầu cử; diễn văn khai mạc sử dụng cho các tổ bầu cử; Mũi tên chỉ lối ra vào phòng bỏ phiếu; biên bản thống kê phiếu hỏng, phiếu không sử dụng; biên bản kiểm phiếu; đĩa biểu mẫu; quyển hỏi đáp về bầu cử; băng rôn, khẩu hiệu, cờ; văn phòng phẩm; v.v...

b) Mức chi: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, quy trình thủ tục hiện hành về đấu thầu (trường hợp phải đấu thầu) và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

3. Chi công tác phí và tổ chức hội nghị phục vụ công tác bầu cử:

a) Các hội nghị gồm: Hội nghị triển khai, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, hội nghị hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giới thiệu đại biểu ứng cử, hội nghị hướng dẫn lấy ý kiến cử tri nơi cư trú, hội nghị gặp mặt các ủy viên, hội nghị vận động bầu cử, hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết, vv... do các cơ quan, đơn vị của địa phương được giao tổ chức.

b) Mức chi: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; riêng đối với hội nghị tập huấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; và Nghị quyết số 138/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

4. Chi bồi dưỡng các cuộc họp phục vụ bầu cử:

a) Các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử:

a.1) Cấp tỉnh:

- Người chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi;
- Phó Trưởng Ban chỉ đạo và các ủy viên: 100.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

a.2) Cấp huyện:

- Người chủ trì: 140.000 đồng/người/buổi;
- Phó Trưởng Ban chỉ đạo và các ủy viên: 70.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 35.000 đồng/người/buổi.

a.3) Cấp xã:

- Người chủ trì: 100.000 đồng/người/buổi;
- Phó Trưởng Ban chỉ đạo và các ủy viên: 50.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 25.000 đồng/người/buổi.

b) Cuộc họp của các Ban bầu cử:

b.1) Cuộc họp của Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Người chủ trì: 150.000 đồng/người/buổi;
- Các thành viên: 80.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b.2) Cuộc họp của Ban Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện:

- Người chủ trì: 100.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên còn lại: 60.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 35.000 đồng/người/buổi.

b.3) Các cuộc họp của các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã:

- Người chủ trì: 70.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên còn lại: 40.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 25.000 đồng/người/buổi.

5. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:

a) Chi phương tiện đi lại, xăng dầu phục vụ các công tác kiểm tra, giám sát bầu cử: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế trên cơ sở hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ, định mức tiêu hao xăng dầu theo quy định và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

b) Chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Chi bồi dưỡng (ngoài công tác phí theo quy định) cho các thành viên Đoàn kiểm tra, giám sát bầu cử:

c.1) Đoàn kiểm tra, giám sát của tỉnh:

- Trưởng đoàn: 200.000 đồng/người/buổi;
- Các thành viên: 100.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

c.2) Đoàn kiểm tra, giám sát của cấp huyện:

- Trưởng đoàn: 140.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên Đoàn còn lại: 70.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

c.3) Đoàn kiểm tra, giám sát của cấp xã:

- Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên Đoàn còn lại: 50.000 đồng/người/buổi;
- Các đối tượng phục vụ: 35.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát bầu cử:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/1 Báo cáo hoàn chỉnh đã được Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát kí;
- Cấp huyện: 2.100.000 đồng/1 Báo cáo hoàn chỉnh đã được Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát kí;
- Cấp xã: 1.500.000 đồng/1 Báo cáo hoàn chỉnh đã được Trưởng Đoàn kiểm tra, giám sát kí;

6. Chi bồi dưỡng và hỗ trợ cước điện thoại di động cho người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Nguyên tắc hỗ trợ:

a.1) Một người thuộc diện từ 2 đối tượng được hỗ trợ trở lên trong cùng 1 thời gian hỗ trợ thì chỉ được hưởng 1 mức hỗ trợ quy định cho đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất;

a.2) Có tên trong danh sách kèm theo Quyết định thành lập các tổ chức phục vụ bầu cử hoặc huy động, trưng dụng phục vụ bầu cử của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền.

b) Thời gian hỗ trợ: Theo thực tế, kể từ ngày Quyết định thành lập Tổ chức bầu cử, Quyết định huy động, trưng dụng của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền nhưng không quá:

b.1) Ba tháng đối với những người thuộc các chức danh của Ủy ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và những người là cán bộ, công chức trong các cơ quan: Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND; Nội vụ, tổ chức; Tài chính; Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp huyện được phân công giúp việc cho các thành viên của Ủy ban bầu cử cấp mình;

b.2) Hai tháng đối với những người thuộc các chức danh của Ban bầu cử Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã và các Tổ

b.3) 15 ngày đối với những người trung dụng, huy động khác theo quyết định của cơ quan/cá nhân có thẩm quyền.

c) Mức hỗ trợ:

c.1) Chủ tịch Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: Mức hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng;
- Cấp huyện: Mức hỗ trợ 1.750.000 đồng/người/tháng;
- Cấp xã: Mức hỗ trợ 1.225.000 đồng/người/tháng;

c.2) Phó chủ tịch và Ủy viên thư kí Ủy ban bầu cử:

- + Cấp tỉnh: Mức hỗ trợ 2.250.000 đồng/người/tháng;
- + Cấp huyện: Mức hỗ trợ 1.575.000 đồng/người/tháng;
- + Cấp xã: Mức hỗ trợ 1.100.000 đồng/người/tháng;

c.3) Các thành viên còn lại của Ủy ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử:

- + Cấp tỉnh: Mức hỗ trợ 1.750.000 đồng/người/tháng;
- + Cấp huyện: Mức hỗ trợ 1.225.000 đồng/người/tháng;
- + Cấp xã: Mức hỗ trợ 850.000 đồng/người/tháng;

c.4) Trưởng Ban bầu cử:

- Trưởng Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: Mức hỗ trợ 2.250.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Mức hỗ trợ 1.750.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Mức hỗ trợ 1.575.000 đồng/người/tháng;
- Trưởng Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Mức hỗ trợ 1.100.000 đồng/người/tháng;

c.5) Phó Trưởng Ban bầu cử và Thư kí các Ban bầu cử:

- Phó Trưởng Ban bầu cử và Thư kí Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: Mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/tháng;
- Phó Trưởng Ban bầu cử và Thư kí Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Mức hỗ trợ 1.575.000 đồng/người/tháng;
- Phó Trưởng Ban bầu cử và Thư kí Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Mức hỗ trợ 1.225.000 đồng/người/tháng;
- Phó Trưởng Ban bầu cử và Thư kí Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Mức hỗ trợ 1.100.000 đồng/người/tháng;

c.6) Thành viên còn lại của Ban bầu cử:

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: Mức hỗ trợ 1.750.000 đồng/người/tháng;

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Mức hỗ trợ 1.225.000 đồng/người/tháng;

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Mức hỗ trợ 850.000 đồng/người/tháng;

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Mức hỗ trợ 600.000 đồng/người/tháng.

c.7) Tổ bầu cử:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử: Mức hỗ trợ 850.000 đồng/người/tháng;

- Tổ phó Tổ bầu cử: Mức hỗ trợ 750.000 đồng/người/tháng;

- Tổ viên Tổ bầu cử: Mức hỗ trợ 600.000 đồng/người/tháng.

c.8) Những người tham gia giúp việc phục vụ bầu cử của một số cơ quan đầu mối có khối lượng công việc thực hiện lớn, cụ thể:

- Cấp tỉnh: 1.200.000/người/tháng.

+ Sở Nội vụ: tối đa 05 người;

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh: tối đa 3 người;

+ Các cơ quan đầu mối khác (Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính): tối đa 02 người/cơ quan.

- Cấp huyện: 1.000.000/người/tháng;

+ Cơ quan Tổ chức - Nội vụ: tối đa 03 người/cơ quan;

+ Các cơ quan đầu mối khác (Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện): 01 người/cơ quan;

- Cấp xã: 700.000/tháng; tối đa 02 người/xã.

c.9) Riêng trong 2 ngày bầu cử (trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

- Những người thuộc đối tượng hỗ trợ từ mục c.1 đến c.8 ở trên: Được hỗ trợ thêm (ngoài hỗ trợ theo tháng): 150.000 đồng/người/ngày;

- Người được cơ quan/cá nhân có thẩm quyền trưng dụng/huy động làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự tại các Tổ bầu cử trong 2 ngày bầu cử (ngoài các đối tượng từ mục c.1 đến c.8 ở trên), cụ thể:

+ Người đang được hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ 250.000 đồng/ người/ngày;

+ Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức hỗ trợ 350.000 đồng/ người/ngày.

7. Chi tuyên truyền bầu cử:

a) Nội dung:

a.1) Chi làm các khẩu hiệu, băng rôn, áp phích, tranh cổ động ở các cụm trung tâm của tỉnh; mẫu trang trí ở các phòng bỏ phiếu;

a.2) Chi phát hành các đĩa CD hỏi đáp về bầu cử, các ca khúc tuyên truyền phục vụ bầu cử;

a.3) Chi làm các phóng sự; viết bài tuyên truyền bầu cử trên các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh.

b) Mức chi: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, quy trình thủ tục hiện hành về đấu thầu (trường hợp phải đấu thầu) và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp, tiếp công dân: 80.000 đồng/buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/buổi.

c) Người dân tiếp phục vụ việc tiếp công dân: 50.000 đồng/buổi.

9. Chi hành chính phục vụ cho bầu cử:

a) Nội dung chi, gồm:

a.1) Chi văn phòng phẩm phục vụ bầu cử;

a.1) Chi khắc dấu bầu cử bổ sung (nếu có);

a.3) Chi bổ sung trang thiết bị hành chính phục vụ bầu cử (máy tính, máy in, máy photocopy, bảng niêm yết cử tri, hòm phiếu, ... nếu có);

a.4) Chi khác hành chính khác trực tiếp phục vụ cho bầu cử.

b) Mức chi:

- Chi khắc dấu: Tối đa 250.000 đồng/dấu;

- Chi làm Bảng niêm yết Danh sách cử tri: Tối đa 1.500.000 đồng/bảng ;

- Chi đóng hòm phiếu: Tối đa 350.000 đồng/hòm;

- Các nội khác: Thanh toán theo số lượng, nhu cầu phát sinh thực tế, trên cơ sở hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp pháp, hợp lệ, quy trình thủ tục hiện hành về đấu thầu (trường hợp phải đấu thầu) và trong phạm vi dự toán kinh phí được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ. / 7